

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 67

LUẬN VỀ HỮU TÌNH (Phần 5)

Hỏi: Những người Bất hoàn đã thành tựu pháp vô lậu, thì pháp này do quả Bất hoàn thâm nhiếp chăng?

Đáp: Hoặc thâm nhiếp, hoặc không thâm nhiếp, bởi vì nghĩa không nhất định.

Hỏi: Thế nào thâm nhiếp?

Đáp: Quả Bất hoàn hữu vi vô vi đã được không mất. Quả Bất hoàn hữu vi, nghĩa là Đạo loại trí..., hoặc lìa nhiễm cõi Dục bằng đạo giải thoát thứ chín và quyển thuộc của đạo ấy. Quả Bất hoàn vô vi, nghĩa là pháp đoạn do kiến mà đoạn của ba cõi, và pháp đoạn do tu mà đoạn của cõi Dục. đã được, nghĩa là Tín thắng giải đã được Tín thắng giải do quả Bất hoàn thâm nhiếp chủng tánh các căn, kiến chí đã được kiến chí do quả bất hoàn thâm nhiếp chủng tánh các căn, và đã được pháp đoạn do kiến mà đoạn của ba cõi, cùng với pháp đoạn do tu mà đoạn của cõi Dục. không mất, nghĩa là Tín thắng giải không chuyển căn làm kiến chí, không mất đi Tín thắng giải do quả Bất hoàn thâm nhiếp chủng tánh các căn, hoặc không lui sụt mất đi pháp này và pháp Đoạn do tu mà đoạn của cõi Dục.

Hỏi: Thế nào là không thâm nhiếp?

Đáp: Những người Bất hoàn đã được thắng tiến về căn vô lậu bằng pháp hữu vi, và họ đã chứng các kiết không còn, cùng với người Bất hoàn đã thành tựu phi trạch diệt. Những người Bất hoàn đã được thắng tiến về căn vô lậu bằng pháp hữu vi, nghĩa là lìa nhiễm của Tỉn lự thứ nhất cho đến lìa nhiễm của phi tướng phi phi tướng xứ, và các đạo gia hạnh-đạo vô gián, cùng đạo giải thoát-đạo thắng tiến hữu học, pháp vô lậu như vậy, người Bất hoàn tuy thành mà không phải là do quả Bất hoàn thâm nhiếp, bởi vì đạo của thắng quả không phải là quả

thâu nhiếp. Và họ đã chứng các kiết không còn, nghĩa là từ Tĩnh lự thứ nhất cho đến vô sở hữu xứ, đều có pháp đoạn do tu mà đoạn thuộc chín phẩm, và pháp đoạn do tu mà đoạn thuộc tám phẩm trước của phi tướng phi phi tướng xứ, là do của thắng quả mà chứng đoạn, như đạo của thắng quả không phải là quả này thâu nhiếp. Cùng với người Bất hoàn đã thành tựu phi trạch diệt, nghĩa là người Bất hoàn đối với ba cõi và pháp vô lậu đạt được phi trạch diệt này, mà phi trạch diệt này không phải là quả Bất hoàn thâu nhiếp. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì phi trạch diệt là vô ký, mà quả Bất hoàn là thiện.

Hỏi: Giả sử pháp do quả Bất hoàn thâu nhiếp, thì pháp này là pháp vô lậu chăng?

Đáp: Đúng như vậy, nghĩa là quả Bất hoàn hữu vi-vô vi, đều là vô lậu.

Hỏi: Các A-la-hán đã thành tựu pháp vô lậu, thì pháp này do quả A-la-hán thâu nhiếp chăng?

Đáp: Hoặc thâu nhiếp, hoặc không thâu nhiếp, bởi vì nghĩa không nhất định.

Hỏi: Thế nào là thâu nhiếp?

Đáp: Quả A-la-hán hữu vi-vô vi đã được không mất. Quả A-la-hán hữu vi, nghĩa là tận trí-vô sinh trí-chánh kiến vô lậu và quyến thuộc của loại ấy. Quả A-la-hán vô vi, nghĩa là pháp đoạn do kiến tu mà đoạn của ba cõi. Đã được, nghĩa là thời giải thoát đã được thời giải thoát do quả A-la-hán thâu nhiếp chũng tánh các căn, bất thời giải thoát đã được bất thời giải thoát do quả A-la-hán thâu nhiếp chũng tánh các căn, và đã được pháp đoạn do kiến-tu mà đoạn của ba cõi. Không mất, nghĩa là thời giải thoát không chuyển căn làm bất thời giải thoát, không mất đi thời giải thoát do quả A-la-hán thâu nhiếp chũng tánh các căn, hoặc không lui sụt mất đi pháp này pháp đoạn do tu mà đoạn của ba cõi.

Hỏi: Thế nào là không thâu nhiếp?

Đáp: A-la-hán đã thành tựu phi trạch diệt, nghĩa là A-la-hán đạt được phi trạch diệt với ba cõi và pháp vô lậu, lúc ấy tuy thành tựu phi trạch diệt này, mà phi trạch diệt này không phải là quả A-la-hán thâu nhiếp. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì phi trạch diệt là vô ký, mà quả A-la-hán là thiện.

Hỏi: Giả sử pháp do quả A-la-hán thâu nhiếp, thì pháp này là pháp vô lậu chăng?

Đáp: Đúng như vậy, nghĩa là quả A-la-hán hữu vi và vô vi đều là vô lậu.

Hỏi: Người Dự lưu thành tựu các pháp, pháp này do quả Dự lưu thâm nhiếp chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì thành tựu pháp này-do thâm nhiếp cùng có rộng hẹp:

1. Có pháp do người Dự lưu thành tựu mà không phải là quả Dự lưu thâm nhiếp, nghĩa là người Dự lưu đã được thăng tiến về căn vô lậu bằng pháp hữu vi, và họ đang chứng các kiết không còn, cùng với người Dự lưu đã thành tựu pháp hữu lậu phi trạch diệt. Trong này có bốn pháp, ba pháp trước như trước đã nói; họ đã thành tựu pháp hữu lậu thì tổng quát có ba loại, đó là thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký. Thiện lai có hai loại, đó là gia hạnh thiện và sinh đắc thiện. Nhiễm ô, đó là pháp nhiễm do tu mà đoạn của ba cõi. Vô phú vô ký, đó là oai nghi lộ, công xảo xứ và dị thực sinh. Như vậy các pháp do người Dự lưu thành tựu mà không phải là quả Dự lưu thâm nhiếp, bởi vì quả chỉ là vô lậu, mà pháp này là hữu lậu.

2. Có pháp do quả Dự lưu thâm nhiếp nhưng không phải là người Dự lưu thành tựu, nghĩa là quả Dự lưu chưa được đã mất. Chưa được, nghĩa là Tín thắng giải chưa đạt được kiến chí do quả Dự lưu thâm nhiếp chũng tánh các căn, và kiến chí không đạt được tín thắng giải do quả Dự lưu thâm nhiếp chũng tánh các căn. Đã mất, nghĩa là tín thắng giải chuyển căn làm kiến chí, mất đi tín thắng giải do quả Dự lưu thâm nhiếp chũng tánh các căn, hoặc có lúc lui sụt mất đi.

3. Có pháp do người Dự lưu thành tựu cũng do quả Dự lưu thâm nhiếp nghĩa là quả Dự lưu đã được không mất, nên biết nghĩa trong này như trước đã nói.

4. Có pháp không phải là người Dự lưu thành tựu cũng không phải là quả Dự lưu thâm nhiếp, nghĩa là trừ ra những tướng trước. Trong này, âm tướng tương tức là gọi cho các pháp đã biểu hiện, nghĩa là nếu pháp đã gọi tên-đã nói ra thì gọi là sở biểu, làm thành ba câu trước, trong này trừ ra nếu pháp chưa gọi tên-chưa nói ra thì gọi là sở biểu, làm thành câu thứ tư. Điều này lại nói thế nào? Nghĩa là thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký. Thiện có hai loại, đó là hữu lậu và vô lậu. Thiện hữu lậu, nghĩa là người Dự lưu mà không thành tựu tất cả Thánh đạo của phần vị trên-phần vị dưới, và chưa đạt trạch diệt của phần vị trên. Nhiễm ô, nghĩa là pháp nhiễm của ba cõi do kiến mà đoạn, và người Dự lưu đã đoạn pháp nhiễm do tu mà đoạn của cõi Dục. Vô phú vô ký, nghĩa là người Dự lưu đã không thành tựu oai nghi lộ-công xảo xứ dị thực sinh, và tất cả các tâm biến hóa... Các pháp như vậy là câu thứ tư.

Hỏi: Các pháp mà người nhất lai thành tựu, pháp này do quả nhất lai thâm nhiếp chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt bởi vì thành tựu pháp này-do quả thâm nhiếp cùng có rộng hẹp:

1. Có pháp do người nhất lai thành tựu mà không phải là quả nhất lai thâm nhiếp, nghĩa là người nhất lai đã được thắng tiến về căn vô lậu bằng pháp hữu vi, và họ đã chứng các kiết không còn, cùng với người nhất lai đã thành tựu pháp hữu lậu phi trạch diệt. Trong này có bốn pháp, ba pháp trước như trước đã nói; họ đã thành tựu pháp hữu lậu thì tổng quát có ba loại, đó là thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký. Thiện lại có hai loại, đó là gia hạnh thiện và sinh đắc thiện. Nhiễm ô, đó là pháp nhiễm do tu mà đoạn thuộc ba phẩm sau của cõi Dục, và pháp nhiễm do tu mà đoạn của cõi Sắc-vô sắc. Vô phú vô ký, đó là oai nghi lộ-công xảo xứ và dị thực sinh. Các pháp như vậy, người nhất lai thành tựu mà không phải là quả nhất lai thâm nhiếp, bởi vì quả chỉ là vô lậu, mà pháp này là hữu lậu.

2. Có pháp do quả Nhất lai thâm nhiếp nhưng không phải là người nhất lai thành tựu, nghĩa là quả nhất lai chưa được đã mất. Chưa được, nghĩa là Tín thắng giải chưa đạt được kiến chí do quả nhất lai thâm nhiếp chũng tánh các căn và kiến chí không đạt được Tín thắng giải do quả nhất lai thâm nhiếp chũng tánh các căn. Đã mất nghĩa là Tín thắng giải chuyển căn làm kiến chí, mất đi tín thắng giải do quả nhất lai thâm nhiếp chũng tánh các căn, hoặc có lúc lui sụt mất đi.

3. Có pháp do người nhất lai thành tựu cũng do quả nhất lai thâm nhiếp, nghĩa là quả nhất lai đã được không mất, nên biết nghĩa trong này như trước đã nói.

4. Có pháp không phải là người nhất lai thành tựu cũng không phải là quả nhất lai thâm nhiếp, nghĩa là trừ ra những tướng trước. Trong này, âm tướng tức là gọi cho các pháp đã biểu hiện, nghĩa là nếu pháp đã gọi tên-đã nói ra thì gọi là sở biểu, làm thành ba câu trước, trong này trừ ra nếu pháp chưa gọi tên-chưa nói ra thì gọi là Sở biểu làm thành câu thứ tư. Điều này lại nói thế nào? Nghĩa là thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký. Thiện có hai loại, đó là hữu lậu và vô lậu. Thiện hữu lậu, nghĩa là người nhất lai đã không thành tựu gia hạnh-lìa nhiễm-sinh đắc thiện. Thiện vô lậu, nghĩa là người nhất lai đã không thành tựu tất cả Thánh đạo của phần vị dưới-phần vị trên, và chưa đạt được trạch diệt của phần vị trên. Nhiễm ô, nghĩa là pháp nhiễm của ba cõi do kiến mà đoạn, và người nhất lai đã đoạn pháp nhiễm do tu mà đoạn của cõi Dục, vô phú

vô ký, nghĩa là người nhất lai đã không thành tựu oai nghi lộ công xảo xứ-dị thực sinh, và tất cả các tâm biến hóa... các pháp như vậy là câu thứ tư.

Hỏi: Các pháp mà người Bất hoàn thành tựu, pháp này do quả Bất hoàn thâm nhiếp chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì thành tựu pháp này-do quả thâm nhiếp cũng có rộng hẹp:

1. Có pháp do người Bất hoàn thành tựu mà không phải là quả Bất hoàn thâm nhiếp, nghĩa là người Bất hoàn đã được thắng tiến về căn vô lậu bằng pháp hữu vi, và họ đã chứng các kiết không còn, cùng với người Bất hoàn đã thành tựu pháp hữu lậu phi trạch diệt. Trong này có bốn pháp, ba pháp trước như trước đã nói, họ đã thành tựu pháp hữu lậu thì tổng quát có ba loại, đó là thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký. Thiện lại có ba loại, đó là gia hạnh-lìa nhiễm-sinh đặc thiện. Nhiễm ô là pháp nhiễm do tu mà đoạn của cõi Sắc-vô sắc. Vô phú vô ký, đó là oai nghi lộ-công xảo xứ-dị thực sinh và các tâm biến hóa... Các pháp như vậy, người Bất hoàn thành tựu mà không phải là quả Bất hoàn thâm nhiếp, bởi vì quả chỉ là vô lậu, mà pháp này là hữu lậu.

2. Có pháp do quả Bất hoàn thâm nhiếp nhưng không phải là người Bất hoàn thành tựu, nghĩa là quả Bất hoàn chưa được đã mất. Chưa được, nghĩa là Tín thắng giải chưa đạt được kiến chí do quả Bất hoàn thâm nhiếp chũng tánh các căn, và kiến chí không đạt được Tín thắng giải do quả Bất hoàn thâm nhiếp chũng tánh của căn. Đã mất nghĩa là Tín thắng giải chuyển căn làm kiến chí, mất đi Tín thắng giải do quả Bất hoàn thâm nhiếp chũng tánh các căn, hoặc có lúc lui sụt mất đi.

3. Có pháp do người Bất hoàn thành tựu cũng do quả Bất hoàn thâm nhiếp, nghĩa là quả Bất hoàn đã được không mất, nên biết nghĩa trong này như trước đã nói.

4. Có pháp không phải là người Bất hoàn thành tựu cũng không phải là quả Bất hoàn thâm nhiếp, nghĩa là trừ ra những tướng trước. Trong này, âm Tướng tức là gọi cho các pháp đã biểu hiện, nghĩa là nếu pháp đã gọi tên, đã nói ra thì gọi là Sơ biểu, làm thành ba câu trước; trong này trừ ra nếu pháp chưa gọi tên-chưa nói ra thì gọi là Sơ biểu, làm thành câu thứ tư. Điều này lại nói thế nào? Đó là thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký. Thiện có hai loại, đó là hữu lậu và vô lậu. Thiện hữu lậu, nghĩa là quả Bất hoàn đã không thành tựu thành tựu gia hạnh-lìa nhiễm-sinh đặc thiện. Thiện vô lậu, nghĩa là người Bất hoàn đã không

thành tựu tất cả Thánh đạo của phần vị dưới-phần vị trên, và chưa đạt được trạch diệt của phần vị trên. Nhiễm ô, nghĩa là pháp nhiễm của ba cõi do kiến mà đoạn, và pháp nhiễm do tu mà đoạn của cõi Dục. vô phú vô ký, nghĩa là người Bất hoàn đã không thành tựu oai nghi lộ-công xảo xứ-dị thực sinh và các tâm biến hóa... các pháp như vậy là câu thứ tư.

Hỏi: Các pháp mà A-la-hán thành tựu, pháp này do quả A-la-hán thân nhiếp chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì thành tựu pháp này-do quả thân nhiếp cùng có rộng hẹp:

1. Có pháp do A-la-hán thành tựu mà không phải là quả A-la-hán thân nhiếp, nghĩa là A-la-hán đã thành tựu pháp hữu lậu phi trạch diệt, họ đã thành tựu phi trạch diệt, thì như trước rộng ra, họ đã thành tựu pháp hữu lậu thì tổng quát có hai loại đó là thiện và vô phú vô ký. Thiện có ba loại, đó là gia hạnh là nhiễm sinh đặc thiện vô phú vô ký, đó là oai nghi lộ công xảo xứ-dị thực sinh và các tâm biến hóa... các pháp như vậy, A-la-hán thành tựu nhưng không phải là quả A-la-hán thân nhiếp, bởi vì quả chỉ là vô lậu, mà pháp này là hữu lậu.

2. Có pháp do quả A-la-hán thân nhiếp mà không phải là A-la-hán thành tựu, nghĩa là quả A-la-hán chưa được đã mất. Chưa được, nghĩa là thời giải thoát chưa đạt được bất thời giải thoát do quả A-la-hán thân nhiếp chũng tánh các căn, bà bất thời giải thoát không đạt được thời giải thoát do quả A-la-hán thân nhiếp chũng tánh các căn. Đã mất, nghĩa là thời giải thoát chuyển căn làm bất thời giải thoát, mất đi thời giải thoát do quả A-la-hán thân nhiếp chũng tánh các căn, hoặc có lúc lại sụt mất đi.

3. Có Pháp do A-la-hán thành tựu cũng do quả A-la-hán thân nhiếp, nghĩa là quả A-la-hán đã được không mất, nên biết nghĩa trong này như trước đã nói.

4. Có pháp không phải là A-la-hán thành tựu cũng không phải là quả A-la-hán thân nhiếp, nghĩa là trừ ra những tướng trước. Trong này, âm tướng tức là gọi cho các pháp đã biểu hiện, nghĩa là nếu pháp đã gọi tên-đã nói ra thì gọi là Sơ biểu, làm thành ba câu trước; trong này trừ ra nếu pháp chưa gọi tên-chưa nói ra thì hữu lậu Sơ biểu, làm thành câu thứ tư. Điều này lại nói thế nào? Đó là thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký. Thiện có hai loại, đó là hữu lậu và vô lậu. Thiện hữu lậu, nghĩa là A-la-hán đã không thành tựu gia hạnh-là nhiễm sinh đặc thiện. Thiện vô lậu, nghĩa là các pháp học. Nhiễm ô, nghĩa là pháp nhiễm của ba cõi do kiến-tu mà đoạn. Vô phú vô ký, nghĩa là A-la-hán đã không thành

tự oai nghi lộ-công xảo xứ-dị thực sinh và các tâm biến hóa... Các pháp như vậy là câu thứ tư.

Hỏi: Tín thắng giải là chuyển căn làm kiến chí hay không? Giả sử như vậy thì có gì sai? Cả hai đều có sai lầm. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu tín thắng giải chuyển căn làm kiến chí, thì trong chương căn uẩn ở sau tại sao không nói đến? Như chương ấy nói: “Nếu xả bỏ căn vô lậu, đạt được căn vô lậu, thì lúc ấy đều từ quả đến quả chẳng?”

Đáp: Nếu từ quả đến quả, thì lúc ấy đều xả bỏ căn vô lậu mà đạt được căn vô lậu. Có lúc xả bỏ căn vô lậu đạt được căn vô lậu nhưng không phải là từ quả đến quả, nghĩa là lúc hiện quán biên Đạo loại trí hiện ở trước mắt, và lúc A-la-hán thời giải thoát luyện căn làm bất động”. Luận sư của bản luận này có điều gì mệt mỏi vất vả mà không nói lúc Tín thắng giải luyện căn làm kiến chí? Nếu Tín thắng giải không chuyển căn làm kiến chí, thì trong này đã nói phải thông hiểu thế nào? Như ở đây nói: “Có pháp do quả Dự lưu thâm nhiếp nhưng không phải là người Dự lưu thành tựu, nghĩa là quả Dự lưu chưa được đã mất”. Nếu Tín thắng giải không chuyển căn làm kiến chí thì làm sao quả Dự lưu có được rồi mà mất? Trong chương Trí uẩn ở sau nói lại thông hiểu thế nào? Như chương ấy nói: “Người Dự lưu đối với ba Tam-ma-địa thì vô lậu đều thành tựu quá khứ, nếu đã diệt không mất thì thành tựu, hiện tại nếu hiện ở trước mắt thì thành tựu”. Nếu Tín thắng giải không chuyển căn làm kiến chí, thì làm sao người Dự lưu có Tam-ma-địa đã diệt và mất, vì giản lược điều ấy cho nên nói là có đã diệt mà mất chẳng? Luận thức thân nói lại thông hiểu thế nào? Như luận ấy nói: “Có tâm vô học quá khứ là đã hiểu rõ chứ không phải là đang hiểu rõ-không phải là sẽ hiểu rõ, nghĩa là A-la-hán thời giải thoát lui sụt quả A-la-hán làm Tín thắng giải, lúc ấy luyện căn làm kiến chí rồi trở lại đạt được quả A-la-hán, lúc ấy do đạo của thời giải thoát mà thâm nhiếp tâm vô học, là đã thành tựu chứ không phải là đang thành tựu-không phải là sẽ thành tựu. Lúc ấy đối với thành tựu mà thi thiết âm Liễu (hiểu rõ) là đã hiểu rõ thì chính là đã thành tựu, không phải là đang hiểu rõ thì không phải là đang thành tựu, không phải là sẽ hiểu rõ thì không phải là sẽ thành tựu”. Nếu Tín thắng giải không chuyển căn làm kiến chí, thì làm sao luận ấy nói A-la-hán thời giải thoát lui sụt quả A-la-hán làm Tín thắng giải, luyện căn làm kiến chí rồi trở lại đạt được quả A-la-hán?”

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Có lúc Tín thắng giải chuyển căn làm kiến chí.

Hỏi: Nếu như vậy thì dễ dàng thông suốt vấn nạn đã giả sử ở sau,

trong chương căn uẩn sau tại sao không nói?

Đáp: Trong chương căn uẩn sau nên đưa ra cách nói này: Có lúc xả bỏ căn vô lậu đạt được căn vô lậu mà không phải là từ quả đến quả, nghĩa là lúc hiện quán biên-đạo loại trí hiện ở trước mắt, lúc Tín thắng giải luyện căn làm kiến chí, lúc những pháp lui sụt luyện căn làm những pháp tư duy và lúc thời giải thoát luyện căn làm bất động. Nhưng mà không đưa ra cách nói này, là có ý nghĩa khác, nghĩa là chương ấy đưa ra đầu đưa ra cuối, phỏng theo hiển bày phần giữa mà nói, lúc hiện quán biên-đạo loại trí hiện ở trước mắt, tức là đưa ra đầu mà nói; lúc thời giải thoát luyện căn làm bất động, tức là đưa ra cuối mà nói. Nhờ đưa ra đầu và cuối, phỏng theo hiển bày phần giữa, có lúc Tín thắng giải luyện căn làm kiến chí. Nếu trong phần vị học không có nghĩa luyện căn thì đến phần vị vô học cũng thuận theo như vậy. Như trong phần vị học không có cứu hộ- không có thế lực, trong phần vị vô học cũng thuận theo như vậy, cho nên cũng hiển bày có những pháp lui sụt chuyển căn làm những pháp tư duy. Như đưa ra đầu và cuối như vậy, đưa ra lần đầu tiến vào đã vượt qua gia hạnh cứu cánh, nên biết cũng như vậy.

Tôn giả Tăng-già-phiệt-tô nói rằng: “Tín thắng giải luyện căn làm kiến chí, tức là thâm nhiếp ở trong chương căn uẩn đã nói, tức là thâm nhiếp từ quả đến quả. Nghĩa là người Dự lưu tu tập đạo gia hạnh luyện căn đã hưởng đến quả nhất lai, nếu đạt được quả nhất lai thì gọi là chuyển căn, lúc đạt được quả và lúc chuyển căn, không có sai biệt. Nếu người nhất lai tu tập đạo gia hạnh luyện căn rồi hưởng đến quả Bất hoàn, nếu đạt được quả Bất hoàn thì gọi là chuyển căn, lúc đạt được quả và lúc chuyển căn, không có gì sai biệt.

Hỏi: Vì sao không có đạt được quả Dự lưu-quả A-la-hán thì gọi là luyện căn?

Vị ấy đưa ra cách trả lời này: Vượt qua cõi Dục thì từ vô thỉ đến nay đã từng có rất nhiều pháp, không có một Hữu tình nào đối với nhiệm của cõi Dục mà chưa từng lìa bỏ, vì vậy có thể có người cầu chuyển căn mà lìa gấp bội-lìa hoàn toàn nhiệm của cõi Dục, lúc đạt được hai quả cũng tức là chuyển căn. Vượt qua hữu đánh, không phải là từ vô thỉ đến nay đã từng có rất nhiều pháp, không có một Hữu tình nào đối với nhiệm của hữu đánh mà đã từng lìa bỏ, vì vậy không có người cầu chuyển căn mà lìa từng phần-lìa hoàn toàn nhiệm của Hữu đánh, lúc đạt được hai quả cũng tức là chuyển căn.

Hỏi: Như ông đã nói phần vị học luyện căn tiến lên đạt được hai quả, tức là thâm nhiếp từ quả đến quả cho nên không nói riêng biệt,

trong phần vị vô học có sáu chủng tánh chuyển pháp lui sụt làm pháp tư duy, cho đến lúc chuyển an trú làm kham đạt (một trong sáu chủng tánh la hán), trong chương căn uẩn sau tại sao không nói, mà chỉ nói thời giải thoát luyện căn làm bất động?

Vị ấy đưa ra cách trả lời này: Điều này cũng thâm nhiếp ở trong chương căn uẩn đã nói. Nguyên cố thế nào? Bởi vì lúc chuyển pháp lui sụt làm pháp tư duy không xả bỏ căn của pháp lui sụt mà đạt được căn của pháp tư duy, cho đến lúc chuyển an trú làm Kham đạt không xả bỏ bốn căn trước mà đạt được căn Kham đạt. Nếu lúc chuyển kham đạt làm bất động thì lập tức xả bỏ năm căn trước mà đạt được căn bất động, cho nên chương ấy chỉ nói lúc Thời giải thoát luyện căn làm bất động, xả bỏ căn vô lậu đạt được căn vô lậu chứ không phải từ quả đến quả, không nói chuyển các pháp lui sụt làm các pháp tư duy.

Lời bình: Vị ấy không nên đưa ra cách nói này. Nguyên cố thế nào? Bởi vì hãy còn không có một lúc thành tựu hai căn, huống hồ có lúc thành tựu năm phẩm căn hay sao? Và lại, người Bất hoàn tu tập đạo gia hạnh luyện căn rồi tuy không có năng lực đạt được quả A-la-hán mà vì sao không có năng lực chuyển làm kiến chí? Các hạng dị sinh tuy không đạt được quả mà có chuyển căn, vì sao lúc Thánh giả lìa nhiễm đạt được quả không có nghĩa chuyển căn? Lìa nhiễm-chuyển căn-gia hạnh đều khác nhau, làm sao lúc lìa nhiễm-đạt được hai quả cũng tức là chuyển căn? Vì vậy chương căn uẩn đưa ra đầu đưa ra cuối mà phỏng theo hiển bày phần giữa, cho nên không nói Tín thắng giải luyện căn làm kiến chí, cũng không nói những pháp lui sụt luyện căn làm những pháp tư duy. Có sư khác nói: Không có Tín thắng giải chuyển căn làm kiến chí.

Hỏi: Nếu như vậy thì dễ dàng thông hiểu trong chương căn uẩn đã nói, trong này đã nói nên thông hiểu thế nào? Như chương này nói: Có quả Dự lưu chưa được đã mất. Nếu tín thắng giải không chuyển căn làm kiến chí, thì làm sao quả Dự lưu có đạt được rồi mà mất?

Đáp: Điều ấy ở trong này, có người đưa ra cách nói này: Không thành tựu đắc của quá khứ vị lai; có người đưa ra cách nói này: Có thành tựu đắc của quá khứ- vị lai. Nếu đưa ra cách nói này: Không thành tựu đắc quả quá khứ-vị lai, thì đó là nói đến quả Dự lưu đạt được ở vị lai gọi là chưa đạt được, ở quá khứ gọi là đã mất, ở hiện tại gọi là thành tựu. Nếu đưa ra cách nói này: Có thành tựu đắc của quá khứ-vị lai, thì đó là nói đến quả Dự lưu có ba loại, đó là Hạ-trung-Thượng. Nếu lúc bắt đầu trú trong quả Dự lưu bậc hạ thì đối với quả Dự lưu bậc trung-thượng

gọi là chưa đạt được, đối với quả Dự lưu bậc Trung-Thượng gọi là chưa đạt được, đối với quả Dự lưu bậc hạ gọi là thành tựu, không nên nói là đã mất bởi vì không có gì đã mất. Nếu lúc bắt đầu trú trong quả Dự lưu bậc trung thì đối với quả Dự lưu bậc thượng gọi là chưa đạt được, đối với quả Dự lưu bậc hạ gọi là đã mất, đối với quả Dự lưu bậc trung gọi là thành tựu. Nếu lúc bắt đầu trú trong quả Dự lưu bậc thượng thì đối với quả Dự lưu bậc Trung-Hạ gọi là đã mất, đối với quả Dự lưu bậc thượng gọi là thành tựu, không nên nói là chưa đạt bởi vì không có gì chưa đạt được.

Hỏi: Nếu bắt đầu trú trong quả Dự lưu bậc trung thì đối với bậc hạ chưa đạt được, nếu bắt đầu trú trong quả Dự lưu bậc thượng thì đối với bậc Trung-Hạ đều chưa đạt được, làm sao nói là đã mất?

Vị ấy đưa ra cách trả lời này: Vượt qua bậc ấy cho nên nói là đã mất, nghĩa là bậc ấy lúc trước kia có nghĩa có thể đạt được, nay đến phần vị thù thắng đã vượt qua bậc ấy lại không có thể đạt được nữa cho nên gọi là đã mất. Bởi vì nghĩa lý này, tuy tín thắng giải không có chuyển căn làm kiến chí mà có thể nói là quả Dự lưu có nghĩa chưa đạt được đã mất.

Hỏi: Trong chương Trí uẩn sau nói lại thông hiểu như thế nào? Như chương ấy nói: “Người Dự lưu đối với ba Tam-ma-địa thì vị lai đều thành tựu, quá khứ nếu đã diệt không mất thì thành tựu, hiện tại nếu hiện ở trước mắt thì thành tựu”. Nếu Tín thắng giải không chuyển căn làm kiến chí, thì làm sao người Dự lưu có ba Tam-ma-địa đã diệt mà mất, vì giản lược điều ấy cho nên nói là có đã diệt mà không mất chăng?

Vị ấy đưa ra cách trả lời này: trong chương Trí uẩn sau nên đưa ra cách nói này: Người Dự lưu đối với ba Tam-ma-địa thì vị lai đều thành tựu, quá khứ đã diệt tức là thành tựu. Không nên nói không mất mà lại nói không mất, là do người đọc tụng lầm lẫn.

Hỏi: Luận thức thân nói lại thông hiểu thế nào? Như luận ấy nói: “A-la-hán thời giải thoát lui sụt quả A-la-hán làm Tín thắng giải, luyện căn làm kiến chí rồi trở lại đạt được quả A-la-hán”.

Vị ấy đưa ra cách trả lời này: Tôi không có năng lực thông hiểu hết sức rõ ràng đối với văn của luận thức thân.

Lời bình: Đã không có năng lực thông hiểu cách nói của luận Thức thân, vả lại trước đã giảm bớt văn luận về trí uẩn, tuy thông hiểu văn này nhưng cũng không hợp lý, vì vậy cần phải tin nhận là có tín thắng giải có thể chuyển căn làm kiến chí. Nếu phần vị hữu học không

có thể chuyển căn, thì trong phần vị vô học cũng thuận theo không chuyển căn; như phần vị hữu học không có cứu hộ-không có thể lực, trong phần vị vô học cũng thuận theo như vậy.

Vì thế, Tôn giả Phật Hộ đưa ra cách nói như vậy: “Tín thắng giải chuyển căn làm kiến chí có sáu sự bất cọng:

1. Ở cõi Dục chứ không ở cõi Sắc-vô sắc.
2. Dựa vào Tinh lực chứ không dựa vào định vô sắc.
3. Sử dụng đạo vô lậu chứ không phải sử dụng đạo thế tục.
4. Sử dụng pháp trí chứ không sử dụng loại trí.
5. Là đã lui sụt chứ không phải là chưa lui sụt.
6. Trú vào quả chứ không phải là trú vào đạo của thắng quả.

Hỏi: Loại ấy vì sao ở cõi Dục chứ không phải là ở cõi Sắc-vô sắc?

Vị ấy đưa ra cách trả lời này: Nhờ vào lực nói pháp mới có thể chuyển căn, mà chỉ riêng trong cõi Dục mới có người nói pháp.

Hỏi: Loại ấy vì sao dựa vào Tinh lực chứ không dựa vào định vô sắc?

Vị ấy đưa ra cách trả lời này: Phần vị Học luyện căn cần phải dựa vào địa của quả đạt được không có người nào dựa vào định vô sắc mà đạt được quả của Học, cho nên Học chuyển căn không dựa vào vô sắc.

Hỏi: Loại ấy vì sao sử dụng đạo vô lậu chứ không sử dụng đạo thế tục?

Vị ấy đưa ra cách trả lời này: Phải là đạo mạnh mẽ nhanh nhạy mới có năng lực chuyển căn, đạo thế tục chậm chạp cho nên loại ấy không sử dụng.

Hỏi: Loại ấy vì sao chỉ sử dụng pháp trí chứ không sử dụng loại trí?

Vị ấy đưa ra cách trả lời này: Cần phải sinh ở cõi Dục mới có năng lực chuyển căn, cõi Dục chỉ đạt được pháp trí tự tại, cho nên loại ấy không sử dụng Loại trí để chuyển căn.

Hỏi: Loại ấy vì sao là người đã lui sụt chứ không phải là người chưa lui sụt?

Vị ấy đưa ra cách trả lời này: Người chán ngán lo sợ lui sụt mới cầu luyện căn, cần phải đã từng lui sụt rồi mà có chán ngán lo sợ, cho nên người chưa lui sụt không có nghĩa chuyển căn.

Hỏi: Loại ấy vì sao trú vào quả chứ không phải là trú vào đạo của thắng quả?

Vị ấy đưa ra cách trả lời này: Nếu trú vào đạo của thắng quả mà

luyện căn, thì thuận theo lúc luyện căn xả bỏ nhiều đạo-đạt được ít đạo, lúc ấy phải gọi là lui sụt chứ không gọi là tiến lên, cho nên chỉ trú vào quả mới có nghĩa của chuyển căn, bởi vì lúc luyện căn chỉ có đạt được quả.

Các Luận sư A-tỳ-đạt-ma nói: “Lúc học chuyển căn đối với sáu sự kia, ba sự thuận với lý-ba sự không thích hợp. Nghĩa là vị kia đã nói phần vị học chuyển căn cõi Dục chứ không phải là ở cõi Sắc-vô sắc thì sự này hợp lý, bởi vì chỉ riêng cõi Dục có nghĩa của chuyển căn; và vị kia nói loại ấy dựa vào Tĩnh lực chứ không dựa vào định vô sắc thì sự này cũng hợp lý, bởi vì chỉ dựa vào Tĩnh lực mà đạt được quả của Học; vả lại, vị kia đã nói loại ấy sử dụng đạo vô lậu chứ không dựa vào đạo thế tục thì sự này cũng hợp lý, bởi vì phần vị Học luyện căn như Kiến đạo. Nhưng mà vị kia đã nói loại ấy sử dụng pháp trí chứ không sử dụng loại trí, thì sự này không thích hợp. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì nghĩa không nhất định, nghĩa là sinh ở cõi Dục hoặc có lúc đạt được tự tại đối với pháp trí chứ không phải là Loại trí, hoặc có lúc đạt được tự tại đối với Loại trí chứ không phải là pháp trí? Vả lại, vị kia đã nói là người đã lui sụt chứ không phải là người chưa lui sụt, thì sự này cũng không thích hợp. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì nghĩa không nhất định, nghĩa là đã lui sụt-hoặc còn chưa lui sụt nhưng mà lo sợ lui sụt, cho nên có lúc cầu căn thù thắng mà luyện căn. Hơn nữa, vị kia đã nói loại ấy trú vào quả chứ không phải là trú vào đạo của thắng quả, thì sự này cũng không thích hợp. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì nghĩa không nhất định, nghĩa là phần vị Học luyện căn hoặc là trú vào quả vị, hoặc là trú vào đạo của thắng quả mà cầu căn nhanh nhạy, hoặc là vì sợ lui sụt.”

Hỏi: Nếu trú vào đạo của thắng quả mà chuyển căn thì xả bỏ nhiều đạo-đạt được ít đạo lẽ nào không phải là lui sụt hay sao?

Đáp: Bởi vì lúc ấy cầu căn nhanh nhạy chứ không cầu nhiều đạo, cho nên không có gì sai; như nhiều đồng thếp đổi lấy một ít vàng bạc, lẽ nào gọi là mất đi lợi ích hay sao?

Hỏi: Ở trong cõi Dục thì nơi nào chuyển căn, là chỉ ở trong loài người hay là cũng ở trên cõi trời?

Đáp: Chỉ ở trong loài người, bởi vì tiếp nhận giáo pháp mạnh hơn, lại vì lo sợ lui sụt.

Hỏi: Người trong bốn châu thì ở nơi nào chuyển căn?

Đáp: Tôn giả Lữ sa phiệt ma nói rằng: “Chỉ riêng châu Thiệm bộ có nghĩa của chuyển căn, bởi vì người ở Châu thiệm bộ có căn mạnh mẽ nhanh nhạy”.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: Người trong ba châu đều được chuyển căn, trừ ra châu Bắc cầu lô, bởi vì không có đức thù thắng.

Hỏi: Vì dựa vào thân nam mà có nghĩa của chuyển căn, hay là cũng dựa vào thân nữ?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Chỉ dựa vào thân nam mà có nghĩa của chuyển căn, bởi vì thân nam có công đức hơn hẳn người nữ.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: Những người chuyển căn cũng dựa vào thân nam-cũng dựa vào thân nữ, bởi vì dựa vào thân nữ cũng có thể phát khởi công đức thù thắng.

Hỏi: Tùy theo dựa vào địa nào trước đó đạt được quả Học-sau cứ vào địa ấy mà chuyển căn chăng?

Đáp: Có người nói cứ dựa vào phần vị Học ấy mà chuyển căn, cũng có lúc dựa vào địa khác, nhưng mạnh hơn chứ không phải là kém hơn. Nghĩa là hai quả dựa vào vị trí định đạt được quả chuyển căn chứ không dựa vào địa khác. Nếu quả Bất hoàn dựa vào địa ấy đạt được thì dựa vào địa ấy mà sau đó sẽ chuyển căn, hoặc dựa vào địa khác nhưng mạnh hơn chứ không phải là kém hơn. Những người Bất hoàn thành tựu quả của ba địa rất ít, thành tựu quả của sáu địa rất nhiều, nghĩa là theo thứ tự thì lúc đạo giải thoát thứ chín là nhiệm của cõi Dục, lúc ấy thành tựu quả Bất hoàn của ba địa, tức là vị chí định Tĩnh lực thứ nhất và Tĩnh lực trung gian. Nếu người đã lìa nhiệm cõi Dục thì dựa vào ba địa này tiến vào chánh tánh ly sinh, lúc ấy đạo loại trí cũng đã thành tựu quả Bất hoàn của ba địa này. Nếu người dựa vào Tĩnh lực thứ hai tiến vào chánh tánh ly sinh, thì lúc ấy đạo loại trí thành tựu quả Bất hoàn của bốn địa, đó là ba địa trước và Tĩnh lực thứ hai. Nếu dựa vào Tĩnh lực thứ ba tiến vào chánh tánh ly sinh, thì lúc ấy đạo loại trí thành tựu quả Bất hoàn của năm địa, đó là bốn địa trước và Tĩnh lực thứ ba. Nếu dựa vào Tĩnh lực thứ tư tiến vào chánh tánh ly sinh, thì lúc ấy đạo loại trí thành tựu quả Bất hoàn của sáu địa, đó là năm địa trước và Tĩnh lực thứ tư.

Dựa vào ba địa đầu đạt được quả Bất hoàn rồi, thì dựa vào địa này mà chuyển căn, lúc ấy xả bỏ quả Bất hoàn của ba địa, đạt được quả Bất hoàn của ba địa. Ngay lúc ấy nếu dựa vào Tĩnh lực thứ hai mà chuyển mà căn, thì lúc ấy xả bỏ quả Bất hoàn của ba địa, đạt được quả Bất hoàn của bốn địa. Ngay lúc ấy nếu dựa vào Tĩnh lực thứ ba mà chuyển căn, thì lúc ấy xả bỏ quả Bất hoàn của ba địa, đạt được quả Bất hoàn của năm địa. Ngay lúc ấy nếu dựa vào Tĩnh lực thứ tư mà chuyển căn, thì lúc ấy xả bỏ quả Bất hoàn của ba địa, đạt được quả Bất hoàn của sáu địa.

Nếu dựa Tĩnh lực thứ hai đạt được quả Bất hoàn rồi, thì dựa vào

Tĩnh lự thứ hai mà chuyển căn, lúc ấy xả bỏ quả Bất hoàn của bốn địa, đạt được quả Bất hoàn của bốn địa. Ngay lúc ấy nếu dựa vào Tĩnh lự thứ ba mà chuyển căn, thì lúc ấy xả bỏ quả Bất hoàn của bốn địa, đạt được quả Bất hoàn của năm địa. Ngay lúc ấy nếu dựa vào Tĩnh lự thứ tư mà chuyển căn, thì lúc ấy xả bỏ quả Bất hoàn của bốn địa, đạt được quả Bất hoàn của sáu địa.

Nếu dựa vào Tĩnh lự thứ ba đạt được quả Bất hoàn rồi, thì dựa vào Tĩnh lự thứ ba mà chuyển căn, lúc ấy xả bỏ quả Bất hoàn của năm địa, đạt được quả Bất hoàn của năm địa. Ngay lúc ấy nếu dựa vào Tĩnh lự thứ tư mà chuyển căn, thì lúc ấy xả bỏ quả Bất hoàn của năm địa, đạt được quả Bất hoàn của sáu địa.

Nếu dựa vào Tĩnh lự thứ tư đạt quả Bất hoàn rồi, thì dựa vào Tĩnh lự thứ tư mà chuyển căn, lúc ấy xả bỏ quả Bất hoàn của sáu địa, đạt được quả Bất hoàn của sáu địa. Không có dựa vào địa trên đạt được quả Bất hoàn, sau đó dựa vào địa dưới mà chuyển căn. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì đừng cho là xả nhiều đạo mà đạt được một ít đạo, nên gọi là giảm rút chứ không gọi là tăng thêm.

Hoặc có người nói: Có dựa vào địa trên đạt được quả Bất hoàn, sau đó dựa vào địa dưới mà chuyển căn. Người ấy đưa ra cách nói này: Dựa vào Tĩnh lự thứ tư đạt được quả Bất hoàn rồi, nếu dựa vào Tĩnh lự thứ ba mà chuyển căn, thì lúc ấy xả bỏ quả Bất hoàn của sáu địa, đạt được quả Bất hoàn của năm địa. Ngay lúc ấy nếu dựa vào Tĩnh lự thứ hai mà chuyển căn, thì lúc ấy xả bỏ quả Bất hoàn của sáu địa, đạt được quả Bất hoàn của bốn địa. Ngay lúc ấy nếu dựa vào ba địa như Tĩnh lự thứ nhất... mà chuyển căn, thì lúc ấy xả bỏ quả Bất hoàn của sáu địa, đạt được quả Bất hoàn của ba địa. Dựa vào Tĩnh lự thứ ba đạt được quả Bất hoàn rồi, nếu dựa vào Tĩnh lự thứ hai mà chuyển căn, thì lúc ấy xả bỏ quả Bất hoàn của năm địa, đạt được quả Bất hoàn của bốn địa. Ngay lúc ấy nếu dựa vào ba địa như Tĩnh lự thứ nhất... mà chuyển căn, thì lúc ấy xả bỏ quả Bất hoàn của năm địa, đạt được quả Bất hoàn của ba địa. Dựa vào Tĩnh lự thứ hai đạt được quả Bất hoàn rồi, nếu dựa vào ba địa như Tĩnh lự thứ nhất... mà chuyển căn, thì lúc ấy xả bỏ quả Bất hoàn của bốn địa, đạt được quả Bất hoàn của ba địa. Trong này chỉ nói đến điều khác nhau so với trước, dựa vào từ địa trên mà chuyển căn thì xả bỏ-đạt được nhiều ít như trước nên biết!

Hỏi: Nếu dựa vào địa trên đạt được quả Bất hoàn, sau đó dựa vào địa dưới mà chuyển căn, thì đã xả bỏ nhiều đạo-đạt được một ít đạo, phải gọi là giảm sút chứ lẽ nào là tăng thêm hay sao?

Đáp: Lúc ấy cầu cần nhanh nhạy chứ không cầu nhiều đạo, xả bỏ nhiều-đạt được ít cũng không có gì sao lắm; như nhiều hàng hóa rẻ tiền trao đổi một ít châu báu quý giá, mới gọi là tăng thêm chứ không gọi là giảm bớt. Dựa vào quả nói rồi, nếu dựa vào đạo mà nói thì những người Bất hoàn chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, nếu dựa vào ba địa như Tĩnh lự thứ nhất... mà chuyển cần, thì lúc ấy xả bỏ thánh đạo của ba địa, đạt được Thánh đạo của của ba địa. Đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất mà chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, nếu dựa vào ba địa như Tĩnh lự thứ nhất... mà chuyển cần, thì lúc ấy xả bỏ Thánh đạo của bốn địa, đạt được Thánh đạo của ba địa. Đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai mà chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, nếu dựa vào ba địa như Tĩnh lự thứ nhất... mà chuyển cần, thì lúc ấy xả bỏ Thánh đạo của năm địa, đạt được Thánh đạo của ba địa. Đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba mà chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, nếu dựa vào ba địa như Tĩnh lự thứ nhất... mà chuyển cần, thì lúc ấy xả bỏ Thánh đạo của sáu địa, đạt được Thánh đạo của ba địa. Đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư mà chưa lìa nhiễm của không vô biên xứ, nếu dựa vào ba địa như Tĩnh lự thứ nhất... mà chuyển cần, thì lúc ấy xả bỏ Thánh đạo của bảy địa, đạt được Thánh đạo của ba địa. Đã lìa nhiễm của không vô biên xứ mà chưa lìa nhiễm của thức vô biên xứ, nếu dựa vào ba địa như Tĩnh lự thứ nhất... mà chuyển cần, thì lúc ấy xả bỏ Thánh đạo của tám địa, đạt được Thánh đạo của ba địa. Đã lìa nhiễm của Thức vô biên xứ, nếu dựa vào ba địa như Tĩnh lự thứ nhất... mà chuyển cần, thì lúc ấy xả bỏ Thánh đạo của chín địa, đạt được Thánh đạo của ba địa.

Chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, nếu dựa vào Tĩnh lự thứ hai mà chuyển cần, thì lúc ấy xả bỏ Thánh đạo của bốn địa, đạt được Thánh đạo của bốn địa. Đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai mà chưa lìa nhiễm Tĩnh lự thứ ba, nếu dựa vào Tĩnh lự thứ hai mà chuyển cần, thì lúc ấy xả bỏ Thánh đạo của năm địa, đạt được Thánh đạo của bốn địa; cho nên đã lìa nhiễm của thức vô biên xứ, nếu dựa vào Tĩnh lự thứ hai mà chuyển cần, thì lúc ấy xả bỏ Thánh đạo của chín địa, địa được Thánh đạo của bốn địa.

Chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, nếu dựa vào Tĩnh lự thứ ba mà chuyển cần, thì lúc ấy xả bỏ Thánh đạo của năm địa, đạt được Thánh đạo của năm địa. Đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba mà chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, nếu dựa vào Tĩnh lự thứ ba mà chuyển cần, thì lúc ấy xả bỏ Thánh đạo của sáu địa, đạt được Thánh đạo của năm địa; cho đến đã lìa nhiễm của Thức vô biên xứ, nếu dựa vào Tĩnh lự thứ ba mà chuyển

căn, thì lúc ấy xả bỏ Thánh đạo của chín địa, đạt được Thánh đạo của năm địa.

Chưa lìa nhiễm Tĩnh lự thứ tư, nếu dựa vào Tĩnh lự thứ tư mà chuyển căn, thì lúc ấy xả bỏ Thánh đạo của sáu địa, đạt được Thánh đạo của sáu địa. Đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư mà chưa lìa nhiễm của không vô biên xứ nếu dựa vào Tĩnh lự thứ tư mà chuyển căn, thì lúc ấy xả bỏ Thánh đạo của bảy địa, đạt được Thánh đạo của sáu địa; cho đến đã lìa nhiễm của Thức vô biên xứ, nếu dựa vào Tĩnh lự thứ tư mà chuyển căn, thì lúc ấy xả bỏ Thánh đạo của chín địa, đạt được Thánh đạo của sáu địa.

Đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất..., nếu dựa vào Tĩnh lự thứ hai... mà chuyển căn, thì xả bỏ đạt được nhiều ít như lý nên suy nghĩ! Không có dựa vào vô sắc mà chuyển căn, bởi vì quả Học không dựa vào định vô sắc. Nên đưa ra cách cõi này: Nếu ở địa trên đã được tự tại mà dựa vào Học của địa dưới chuyển căn..., thì cũng đạt được đạo và quả vô lậu của địa trên, nhưng lúc chuyển căn không đạt được vô sắc, bởi vì định ấy không có quả Bất hoàn. Trong này cần phải đưa ra quả thiết có thể để hỏi và trả lời (Pha-thiết-vấn-Đáp)

Hỏi: Có thể có Thánh giả xả bỏ Thánh đạo của chín địa-đạt được Thánh đạo của sáu địa mà gọi là tiến chứ không gọi là lùi chăng?

Đáp: Có, đó là lìa nhiễm của Thức vô biên xứ, lúc tín thắng giải dựa vào Tĩnh lự thứ tư mà chuyển căn.

Hỏi: Có thể có Thánh giả đã lìa nhiễm của vô sở hữu xứ mà chỉ thành tựu Thánh đạo của một địa chăng?

Đáp: Có, đó là đã lìa nhiễm của vô sở hữu xứ, dựa vào vị chí định mà tiến vào Chánh tánh ly sinh, mười lăm tâm trong kiến đạo ấy.

Hỏi: Có thể có người Bất hoàn đã lìa nhiễm của vô sở hữu xứ, chỉ thành tựu đạo-quả vô lậu của ba địa chăng?

Đáp: Có, đó là đã lìa nhiễm của vô sở hữu xứ lúc Tín thắng giải không được tự tại đối với địa trên, dựa vào vị chí định-hoặc Tĩnh lự thứ nhất, hoặc Tĩnh lự trung gian chuyển căn làm kiến chí.

Hỏi: Có thể có người thân chứng không thành tựu định vô sắc-vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Thân chứng-Tín thắng giải chuyển căn làm kiến chí.

